

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 8 – 2022

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Bà Trần Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà U, sinh năm 1980; nơi thường trú: Xóm T, thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: khu phố A, phường C, thành phố Q, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1982; nơi thường trú: Xóm T, thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: khu phố B, phường C, thành phố Q, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Bà U và ông H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó cả hai tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 27/01/2014.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc, ông H nhiều lần đánh đập, bạo hành, chửi bới và đòi giết bà U, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2021 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng bà U không được chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải vì bà U, ông H không yêu cầu.

Bà U xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà U được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà U và ông H có 02 con chung tên T, sinh ngày 23/12/2013 và N, sinh ngày 26/4/2017, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn khởi kiện, bà U yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung, tuy nhiên quá trình tố tụng tại Tòa án, bà U thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung, cụ thể yêu cầu giao cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng do cháu Trí từ nhỏ đã ở với ông H, còn bà U trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông H đã được tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp bản tự khai hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà U là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề hôn nhân và con chung đối với bị đơn ông H, có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh

Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã trình bày ý kiến của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông H chung sống với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 27/01/2014. Quan hệ hôn nhân của bà U và ông H là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Bà U định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông H nhiều lần đánh đập, bạo hành đối với bà U, mặc dù cả hai đã ở riêng nhưng ông H vẫn tìm gặp để gây sự và đánh bà U. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa bà U và ông H đã kéo dài. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp bản tự khai hay bất cứ tài liệu chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cho thấy ông H không quan tâm và không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với bà U. Do đó, lời trình bày cũng như yêu cầu về việc ly hôn của bà U là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà U và ông H có 02 con chung tên T, sinh ngày 23/12/2013 và N, sinh ngày 26/4/2017, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn khởi kiện, bà U yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung, tuy nhiên quá trình tố tụng tại Tòa án, bà U thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung, cụ thể yêu cầu giao cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng do cháu Trí từ nhỏ đã ở với ông H, còn bà U trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của bà U và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét thấy, theo biên bản làm việc ngày 24/3/2022 ghi nhận ý kiến của cháu T, cháu Trí có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha là ông H. Còn cháu N từ nhỏ đã sinh sống cùng bà U, do đó để đảm bảo cho điều kiện sinh sống, học tập và sự phát triển toàn diện của hai cháu việc giao cháu Nhân cho bà U và giao cháu

Trí cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, cân bằng và hài hòa về nghĩa vụ đối với con chung của vợ chồng, do đó yêu cầu khởi kiện về con chung của bà U là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà U.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà U đối với bị đơn ông H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà U được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giao con chung tên con chung tên T, sinh ngày 23/12/2013 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung tên con chung tên N, sinh ngày 26/4/2017 cho bà U, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001947 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Quang Ngọc Nhân